

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025

*V/v: Không công nhận quan hệ hôn
nhân giữa nam nữ chung sống với
nhau như vợ chồng mà không ĐKKH.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đèo Văn Vĩnh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 25/4/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1982; Nơi ĐKKHKT: Bản Mỏ, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vàng Văn D, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Bản Mỏ, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc - Công an tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Chị và anh Vàng Văn D về chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1997. Do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống anh D

thường xuyên đánh đập, chửi mắng, anh D nghiện ma túy và đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc. Chị xét thấy không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống, không muốn đăng ký kết hôn và muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh D nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Vàng Văn Đ, sinh ngày 07/6/1998 và Vàng Văn Q, sinh ngày 06/11/2000. Hiện các con chung đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai anh Vàng Văn D trình bày:

Anh và chị T về chung sống với nhau năm 1998, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2013 hai vợ chồng mâu thuẫn do anh phát hiện chị T ngoại tình và ly thân từ năm 2013 đến nay. Anh nghiện ma túy từ năm 2011 và hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc - Công an tỉnh L. Chị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T, anh nhất trí.

Về con chung: Theo chị T trình bày là đúng, các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Vàng Văn D. Về con chung, do con chung Vàng Văn Đ, sinh ngày 07/6/1998 và Vàng Văn Q, sinh ngày 06/11/2000 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn,

bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Vàng Văn D cư trú bản Mỏ, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Vàng Văn D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Ủy nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu xác nhận chị T và anh D chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Vàng Văn D là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, chị T và anh D chung sống không hạnh phúc, kéo dài nhiều năm. Chị T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và anh D nhất trí. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Vàng Văn D theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đối với các con chung Vàng Văn Đ, sinh ngày 07/6/1998 và Vàng Văn Q, sinh ngày 06/11/2000 đều đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động chị T và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do nguyên đơn chị Lý Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị T và anh Vàng Văn D.

2. Về con chung: Do con chung Vàng Văn Đ, sinh ngày 07/6/1998 và Vàng Văn Q, sinh ngày 06/11/2000 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lý Thị T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

